TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HSST
Ngày: 19/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Quốc Cường

2/ Ông Nguyễn Ngọc Hai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐST-HS ngày 05/6/2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Lê T, sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nam; Thường trú: 60A/28 đường V, Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: nhà không số, tổ 23, ấp 3, xã C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Lê Thành P (chết) và bà Trần Ngọc L; Hoàn cảnh gia đình: có vợ và 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Không. Tiền sự: 01: Ngày 13/7/2016 bị Ủy ban nhân dân Phường A, quận B áp dụng biện pháp giáo dục tại Phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 234/QĐ-UBND; Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/12/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Đình A, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nam; Thường trú: 377/30A Đường E, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 377/30A Đường E, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: tài xế; Con ông Phan Đình T và bà Nguyễn Thị N; Hoàn cảnh gia đình: có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án - Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/12/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1/ Ông Võ Tấn Đ (vắng mặt)
Địa chỉ: 816/8 Đường L, phường M, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh

2/Bà Lê Thị Y (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện U, Tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 20/12/2017 tổ tuần tra thuộc đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an quận N đi tuần tra đến trước số nhà 77C đường K, Phường X, quận N thì phát hiện một thanh niên là Phan Đình A điều khiển xe mô tô biển số 51H4 – 2817 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra. Qua kiểm tra thu giữ trong túi xách màu nâu có khắc chữ POLO mà A đang đeo trên người có 01 gói ny lon hàn kín chứa tinh thể rắn không màu, A khai nhận đó là ma túy tổng hợp A mua của bạn là Trần Lê T và chiếc xe mô tô mà A đang sử dụng là của T cho A mượn để đi bán ma túy nên Công an lập biên bản thu giữ, niêm phong ma túy để xử lý. Sau khi Công an bắt giữ A thì Trần Lê T liên lạc vào số điện thoại di động của A để hỏi sao đi giao ma túy chưa về thì A nói với T là ma túy không Đ chất lượng nên yêu cầu T mang ma túy đến công viên H.N, quận N để đổi lại, T gọi điện thoại nhờ bạn là Võ Tấn Đ đến đường Q chở T qua công viên H.N để gặp A lấy lại xe, Đ đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 ngày 20/12/2017, T và Đ đến trước nhà số 12 đường H, Phường Y , quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an mời về làm việc.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa A khai nhận: Khoảng 13 giờ 25 ngày 20/12/2017, A đang ở nhà tại quận B thì có con nghiện tên P (không rõ lai lịch) sử dụng điện thoại di động số 090303530 gọi vào máy điện thoại di động của A số 0909293905 hỏi mua 01 hộp 10 ma túy tổng hợp dạng ma túy đá, A báo giá là 5.500.000 đồng, và hẹn giao nhận ma túy tại Công viên H.N, quận N. A gọi điện thoại cho Trần Lê T số 0924444878 hỏi mua 01 hộp 10 ma túy tổng hợp để bán cho Phúc. T báo giá 01 hộp 10 ma túy tổng hợp là 5.400.000 đồng, A đồng ý và hẹn T ở cổng bệnh viện G để chở nhau đi lấy ma túy. Sau khi đón A, T điều khiển xe mô tô biển số 51H4 – 2817 đến khu vực nhà trọ của B (không rõ lai lịch) ở đường Q, quận V, Tp. Hồ Chí Minh. A đứng bên ngoài hẻm chờ còn T vào gặp B, T nói với B xin mua ma túy thiếu, khi nào bán xong thì trả tiền nhưng B không đồng ý nên T quay ra gặp A, A đưa cho T 01 điện thoại Iphone của A, khi nào bán ma túy xong thì sẽ lấy tiền chuộc lại; khi T vào đưa điện thoại Iphone của A cho B thì B đưa cho T 01 gói ny lon chứa ma túy tổng hợp, T mang gói ma túy bỏ vào túi xách màu nâu mà A đang đeo trên người, còn T quay lại chỗ của B khi nào A mang tiền về thì T mới được đi theo yêu cầu của B. Sau đó, A điều khiển chiếc xe mô tô biển số 51H4 – 2817, mượn của T để đi giao ma túy cho P, thì bị bắt giữ như trên. Ngoài lần mua ma túy của T ngày 20/12/2017 thì A còn mua của T trước đó 02 lần như sau:

- Lần 1: vào ngày 13/12/2017 A mua 800.000 đồng ma túy đá về sử dụng, giao nhận ma túy trên đường Q, quận V.

- Lần 2: vào ngày 17/12/2017 A mua 400.000 đồng ma túy đá về sử dụng, A mới trả được 200.000 đồng, còn thiếu T 200.000 đồng, giao nhận ma túy trên đường Q, quận V.

Ngoài ra A khai nhận đã thực hiện hành vi mua bán ma túy từ tháng 6 năm 2017, A mua ma túy của một phụ nữ tên L (không rõ lai lịch) về bán lại kiếm lời, thu lợi được 1.000.000 đồng.

Trần Lê T khai nhận: khi A gọi hỏi mua 01 hộp 10 ma túy tổng hợp thì T gọi cho B hỏi mua ma túy. B báo giá 01 hộp 10 ma túy tổng hợp giá 5.200.000 đồng, T báo giá cho A là 5.400.000 đồng thì A đồng ý mua. Nếu bán được trót lọt số ma túy trên thì T thu lợi được 200.000 đồng. T mua bán ma túy khoảng 02 tháng thì bị bắt, A mua ma túy của L và B về bán lại cho người nghiện, thu lợi được 1.000.000 đồng. Ngoài 03 lần bán ma túy tổng hợp cho A như trên thì T còn bán ma túy cho Võ Tấn Đ hai lần như sau:

- Lần 1: vào ngày 15/12/2017, Đ mua 200.000 đồng ma túy đá về sử dụng, giao nhận ma túy trên đường Q, quận V;

- Lần 2: vào ngày 16/12/2017 Đ mua 100.000 đồng ma túy đá về sử dụng, giao nhận ma túy trên đường Q, quận V.

Lời khai của đối tượng Võ Tấn Đ thừa nhận đã 02 lần mua ma túy của T về sử dụng như đã nêu trên. Riêng đối với đối tượng tên L và đối tượng tên B là những đối tượng trực tiếp bán ma túy cho bị cáo Trần Lê T, do chưa xác định được lai lịch Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-Q.PN ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận đã truy tố để xét xử đối với Trần Lê T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194 và Phan Đình A về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận sau khi phân tích nội dung vụ án, những tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Lê T từ 07 năm đến 08 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Đình A từ 02 năm đến 03 năm tù. Vật chứng của vụ án đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: không có gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Phú Nhuận, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Lê T và Phan Đình A thừa nhận hành vi phạm tội. Các văn bản tố tụng có trong hồ sơ vụ án như bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản đối chất, kết luận giám định… đều được tiến hành theo đúng quy định, tại các

bản khai, biên bản hỏi cung và các tài liệu khác các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng có trong hồ sơ vụ án của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và xét hỏi tại tòa các bị cáo Trần Lê T và Phan Đình A khai nhận: Do cần tiền để mua ma túy sử dụng nên các bị cáo đã mua bán ma túy để bán lại cho các con nghiện nhằm kiếm lời. Cụ thể bị cáo T mua ma túy từ đối tượng tên B (không rõ lai lịch) trên đường Q Quận V và người phụ nữ tên L (không rõ lai lịch) ở khu vực đường Nguyễn Kiệm, quận V, để bán cho con nghiện, thu lời tổng cộng được 1.000.000 đồng. Bị cáo bán ma túy cho bị cáo Phan Đình A 3 lần, vào các ngày: 13/12/2017, 17/12/2017, 20/12/2017; ngoài ra còn bán ma túy cho Võ Tấn Đ 02 lần vào các ngày: 15/12/2017, 16/12/2017.

Bị cáo Phan Đình A thừa nhận đã mua ma túy của T 03 lần vào các ngày: 13/12/2017, 17/12/2017 (mục đích mua để sử dụng), ngày 20/12/2017, bị cáo mua của T 01 hộp 10 ma túy đá với giá 5.400.000 đồng để bán lại cho con nghiện, tuy nhiên chưa bán được thì bị bắt. Đối với 2 lần mua ma túy của bị cáo T về để sử dụng như lời bị cáo A khai nhận, do không thu giữ được ma túy, nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình của bị cáo A được. Ngoài ra, A khai đã thực hiện hành vi mua bán ma túy từ tháng 6 năm 2017, A mua ma túy của một phụ nữ tên L (không rõ lai lịch) về bán lại kiếm lời, thu lợi tổng cộng được 1.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài lời khai của A thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh A mua bán ma túy nhiều lần.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đối tượng Võ Tấn Đ, đồng thời căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, các bản tự khai, biên bản hỏi cung, biên bản đối chất…và căn cứ bản kết luận giám định số 173/KLGĐ-H ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì: Tinh thể không màu trong 01 gói Nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phan Đình A và hình dấu Công an Phường 07, quận Phú Nhuận gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 8,8446g (tám phẩy tám bốn bốn sáu gram) loại Methamphetamine.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của Trần Lê T, Phan Đình A phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự ; số lần bị cáo T mua bán ma túy là nhiều lần thì hành vi của bị cáo Trần Lê T thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, thuộc trường hợp định khung tăng nặng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; bị cáo Phan Đình A thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự trị an xã hội và xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý và phòng chống tội phạm về ma túy của Nhà nước. Vì vậy Nhà nước Việt Nam nghiêm cấm việc sản xuất, mua bán tàng trữ, sử dụng… trái phép chất ma túy, đồng thời quy định trừng phạt nghiêm khắc những ai cố tình vi phạm bởi ma túy không những hủy diệt chính bản thân các bị cáo mà còn reo rắc cái chết trắng cho giới trẻ, là nguyên nhân phát sinh ra nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Trong vụ án này cả hai bị cáo đều là những người trực tiếp

thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với các bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Đối với bị cáo Trần Lê T mua bán ma túy nhiều lần, với nhiều đối tượng khác nhau nên áp dụng hình phạt đối với bị cáo nghiêm khắc hơn so với bị cáo A.

Ngoài ra đối với loại tội phạm này, cần áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- Đối với: 01 gói niêm phong ghi vụ số 173 bên ngoài có chữ ký giám định viên Nguyễn Xuân Sang; 01 túi xách màu nâu có khắc chữ POLO thu giữ của Phan Đình A; là chất cấm lưu hành thuộc độc quyền quản lý của Nhà nước và công cụ, phương tiện phạm tội nên cần căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô biển số: 59H1-2817, số máy HD1P53FMH*Y004820*, số khung không có, qua xác minh, biển số: 59H1-2817 không có trong dữ liệu của Cục Cảnh sát Giao thông, số máy HD1P53FMH*Y004820* là của xe gắn máy biển số 95B1-351.90 của chị Lê Thị Y là người đứng tên chủ sở hữu đăng ký xe. Chị Điệp hiện không có mặt tại địa phương. Trần Lê T khai mua chiếc xe trên tháng 11/2016 với giá 1.500.000 đồng, liên hệ mua bán qua mạng không có làm giấy tờ sang tên do giá trị xe thấp; do vậy hiện chưa xác định chủ sở hữu chính xác, trong khi chiếc xe trên là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên giao chiếc xe trên cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời gian nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Đối với biển số xe 59H1-2817 không có trong dữ liệu tra cứu, không có giá trị sử dụng nên căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 cân điện tử; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp; là vật không có giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng thấp nên căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 chiếc điện thoại Nokia số Imei: 354579050592844, 01 chiếc điện thoại Samsung số Imei: 354903050785606 thu giữ của Phan Đình A và Trần Lê T, được sử dụng vào việc mua bán ma túy, là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về khoản thu lợi bất chính: Theo bị cáo T và A khai thu lợi bất chính mỗi bị cáo là 1.000.000 đồng; các bị cáo đồng ý tự nguyện nộp; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tịch thu nộp ngân sách nhà Nhà nước đối với khoản tiền thu lợi bất chính như đã nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Trần Lê T, Phan Đình A** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

1/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với Trần Lê T

Xử phạt: **Trần Lê T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

2/ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với Phan Đỉnh A

Xử phạt: **Phan Đình A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2017.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại Nokia số Imei: 354579050592844; 01 chiếc điện thoại Samsung số Imei: 354903050785606.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ghi vụ số 173 bên ngoài có chữ ký giám định viên Nguyễn Xuân Sang, 01 túi xách màu nâu có khắc chữ POLO, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp, 01 cái cân điện tử màu trắng, biển số xe 59H1-2817.

- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận 01 xe gắn máy số máy HD1P53FMH*Y004820*, để đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời gian 06 (sáu) tháng, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận Phú Nhuận)

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Buộc bị cáo Trần Lê T và Phan Đình A; mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 (một triệu) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận tống Đ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- Công an Q. Phú Nhuận, PC.53;
- Chi cục THADS Phú Nhuận;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương Giang